

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

---

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

1. Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4. Bà Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Phạm Đình Ngu	Ủy viên Hội đồng Quản trị

#### **Ban Tổng Giám đốc**

1. Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Lê Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 02 năm 2014





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số:3534/2014/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2014, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Tiến Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
GCNĐKHNKT số 0747-2013-072-01  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn**  
**Tài chính Quốc tế(IFC)**  
*Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014*

**Phạm Thị Thu Hương**  
**Kiểm toán viên**  
GCNĐKHNKT số 1693-2013-072-01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A – TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>489.310.014.407</b>	<b>432.666.442.423</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>129.218.012.751</b>	<b>102.486.009.195</b>
1. Tiền	111		112.218.012.751	12.312.888.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	90.173.120.290
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>153.876.527.149</b>	<b>129.977.407.409</b>
1. Phải thu khách hàng	131		83.664.258.302	92.128.462.105
2. Trả trước cho người bán	132		55.077.289.723	34.347.487.870
3. Các khoản phải thu khác	135		15.134.979.124	3.501.457.434
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>191.567.310.418</b>	<b>174.927.141.263</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.2	191.567.310.418	174.927.141.263
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.648.164.089</b>	<b>25.275.884.556</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.889.860.269	3.238.225.122
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.282.517.773	4.861.654.120
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	4.475.786.047	17.176.005.314
<b>B – TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>613.552.623.149</b>	<b>433.425.428.696</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>489.544.821.246</b>	<b>346.868.593.955</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	433.795.776.180	314.719.224.704
- Nguyên giá	222		597.381.149.504	435.072.238.121
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(163.585.373.324)	(120.353.013.417)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	18.686.684.105	6.916.384.033
- Nguyên giá	228		20.226.883.100	8.158.030.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.540.198.995)	(1.241.646.531)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		37.062.360.961	25.232.985.218
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>113.406.553.255</b>	<b>80.500.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.6	79.000.000.000	79.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	32.906.553.255	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.601.248.648</b>	<b>6.056.834.741</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		10.601.248.648	6.056.834.741
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.102.862.637.556</b>	<b>866.091.871.119</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>593.159.472.159</b>	<b>370.776.069.342</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>510.076.550.507</b>	<b>354.165.069.342</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	334.296.710.948	229.171.132.347
2. Phải trả người bán	312	5.10	153.350.546.617	104.347.283.967
3. Người mua trả tiền trước	313		10.584.381.554	7.205.312.672
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	3.255.443.162	3.853.832.511
5. Phải trả người lao động	315		6.926.687.250	5.115.260.454
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	2.196.524.183	1.368.009.749
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(533.743.207)	3.104.237.642
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>83.082.921.652</b>	<b>16.611.000.000</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	83.082.921.652	16.611.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>509.703.165.397</b>	<b>495.315.801.777</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>509.703.165.397</b>	<b>495.315.801.777</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		198.000.000.000	198.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		130.933.926.549	130.933.926.549
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.999.757.447	9.820.994.172
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.878.331.199	9.699.567.924
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		9.421.944.781	8.151.433.866
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		147.469.205.421	138.709.879.266
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.102.862.637.556</b>	<b>866.091.871.119</b>



**Nguyễn Lê Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2014

**Hòa Thị Thu Hà**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Giang**  
**Người lập**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN  
Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.167.323.929.038	1.048.449.925.148
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	988.970.134	1.762.131.233
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		1.166.334.958.904	1.046.687.793.915
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.005.883.675.313	880.771.681.466
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		160.451.283.591	165.916.112.449
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.557.690.588	1.042.199.050
7. Chi phí tài chính	22	6.4	21.622.425.359	30.231.662.631
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.108.189.410	29.362.606.635
8. Chi phí bán hàng	24		59.113.487.003	59.319.287.384
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.904.874.855	28.616.811.057
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.368.186.962	48.790.550.427
11. Thu nhập khác	31		2.750.465.704	3.154.877.036
12. Chi phí khác	32		628.351.769	626.169.803
13 Lợi nhuận khác	40		2.122.113.935	2.528.707.233
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.490.300.897	51.319.257.660
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	11.679.631.817	7.743.992.162
16. Lợi nhuận sau thuế	60		43.810.669.080	43.575.265.498
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	2.213	3.832



Nguyễn Lê Trung  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Hòa Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Giang  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	55.490.300.897	51.319.257.660
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ	02	43.530.912.371	42.161.331.964
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.275.996.462	2.457.336
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.568.915.151)	(140.155.564)
- Chi phí lãi vay	06	17.108.189.410	29.362.606.635
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	115.836.483.989	122.705.498.031
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(23.654.320.986)	(12.052.734.630)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(16.640.169.155)	(55.954.975.406)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	41.046.299.622	95.154.593.687
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(5.196.049.054)	(3.027.795.042)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(21.331.321.084)	(32.805.106.635)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.264.929.662)	(6.984.577.287)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.143.176.845	11.624.871.301
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(13.528.933.787)	(12.159.712.668)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>75.410.236.728</b>	<b>106.500.061.351</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(170.529.543.560)	(43.151.893.119)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	500.000.000	329.309.091
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(33.849.335.255)	(1.500.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	50.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.237.947.151	140.155.564
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(200.640.931.664)</b>	<b>5.817.571.536</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	122.833.926.549
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.077.343.977.855	765.129.585.281
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(905.746.477.602)	(905.325.302.488)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.781.367.000)	(13.051.153.273)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>151.816.133.253</b>	<b>(30.412.943.931)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>26.585.438.317</b>	<b>81.904.688.956</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>102.486.009.195</b>	<b>20.599.578.713</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	146.565.239	(18.258.474)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>129.218.012.751</b>	<b>102.486.009.195</b>



Nguyễn Lê Trung  
 Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Hòa Thị Thu Hà  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Giang  
 Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 17 ngày 20 tháng 09 năm 2013.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số B9, Ngách 6/106, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 1.247 người (tại ngày 31/12/2012 là 1.072 người).

**Vốn điều lệ của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 20 ngày 09 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 198.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám tỷ đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Danh sách các cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Phạm Ánh Dương	Phổ thông	1.854.000	18.540.000.000
2	Phạm Hoàng Việt	Phổ thông	879.300	8.793.000.000
3	Nguyễn Lê Trung	Phổ thông	236.700	2.367.000.000
4	Nguyễn Đức Dũng	Phổ thông	30.000	300.000.000

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2011/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	5
Tài sản khác	3

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	50
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	25
Phần mềm máy vi tính	3



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định ghi nhận, đánh giá, xử lý khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1. Thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy 2, Nhà máy số 3, hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	447.070.756	658.316.552
Tiền gửi ngân hàng	107.328.287.995	11.654.572.353
Tiền đang chuyển	4.442.654.000	-
Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	90.173.120.290
<b>Cộng</b>	<b>129.218.012.751</b>	<b>102.486.009.195</b>

Tại ngày 31/12/2013, Công ty có các khoản tương đương tiền trị giá 17.000.000.000 VND là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo 02 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 80/2013/PGBHaiDuong ngày 23/12/2013 và số 81/2013/PGBHaiDuong ngày 24/12/2013. Lãi suất 7%/năm, trả lãi vào cuối kỳ. Tất cả các khoản tiền gửi trên đều đã được Công ty sử dụng để đảm bảo các khoản vay.

**5.2. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	8.296.913.940	-
Nguyên liệu, vật liệu	119.372.359.768	121.644.004.772
Công cụ, dụng cụ	4.967.387.207	3.875.544.832
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.012.772.030	11.809.024.855
Thành phẩm	49.917.877.473	37.598.566.804
<b>Cộng</b>	<b>191.567.310.418</b>	<b>174.927.141.263</b>

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2013 là 191.567.310.418 đồng.

**5.3. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.306.616	42.678.971
Tạm ứng	3.891.704.994	14.373.044.022
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	582.774.437	2.760.282.321
<b>Cộng</b>	<b>4.475.786.047</b>	<b>17.176.005.314</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B09 - DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.4. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, sức vật làm việc, cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2013	61.078.405.752	321.132.660.774	36.301.898.837	1.796.914.758	13.768.983.000	993.375.000	435.072.238.121
Mua trong kỳ	302.070.472	147.653.233.889	10.110.283.543	132.526.672	-	5.737.272.727	163.935.387.303
Thanh lý, nhượng bán	-	749.177.600	-	-	-	-	749.177.600
Giảm khác (*)	-	320.241.962	24.246.000	532.810.358	-	-	877.298.320
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>61.380.476.224</b>	<b>467.716.475.101</b>	<b>46.387.936.380</b>	<b>1.396.631.072</b>	<b>13.768.983.000</b>	<b>6.730.647.727</b>	<b>597.381.149.504</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2013	11.654.309.011	96.781.511.271	9.588.205.019	827.329.179	1.385.939.741	115.719.196	120.353.013.417
Khấu hao trong kỳ	3.997.533.328	34.485.603.127	4.414.539.976	288.486.170	775.123.336	99.480.560	44.060.766.497
Thanh lý, nhượng bán	-	237.239.586	-	-	-	-	237.239.586
Giảm khác (*)	-	241.900.771	20.609.100	328.657.133	-	-	591.167.004
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>15.651.842.339</b>	<b>130.787.974.041</b>	<b>13.982.135.895</b>	<b>787.158.216</b>	<b>2.161.063.077</b>	<b>215.199.756</b>	<b>163.585.373.324</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 01/01/2013	49.424.096.741	224.351.149.503	26.713.693.818	969.585.579	12.383.043.259	877.655.804	314.719.224.704
Tại ngày 31/12/2013	45.728.633.885	336.928.501.060	32.405.800.485	609.472.856	11.607.919.923	6.515.447.971	433.795.776.180

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2013 là 433.795.776.180 đồng.

(\*) Giảm khác là giảm do phân loại theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.5. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2013	8.092.644.904	65.385.660	8.158.030.564
Tăng trong kỳ	12.088.352.536	-	12.088.352.536
Giảm khác (*)	-	19.500.000	19.500.000
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>20.180.997.440</b>	<b>45.885.660</b>	<b>20.226.883.100</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2013	1.181.135.871	60.510.660	1.241.646.531
Khấu hao trong kỳ	313.177.464	1.950.000	315.127.464
Giảm khác (*)	-	16.575.000	16.575.000
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>1.494.313.335</b>	<b>45.885.660</b>	<b>1.540.198.995</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>6.911.509.033</b>	<b>4.875.000</b>	<b>6.916.384.033</b>
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>18.686.684.105</b>	<b>-</b>	<b>18.686.684.105</b>

(\*) Giảm do phân loại theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

**5.6. Đầu tư vào Công ty con**

Đây là khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (sau đây gọi tắt là "Công ty con") theo quyết định số 0109/2009/NQ-HĐQT ngày 5/9/2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo đó Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát góp vốn 79.000.000.000 đồng trong tổng số 86.000.000.000 đồng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái, tỷ lệ góp vốn là 91,36%. Công ty con được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế công ty cổ phần số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 1/10/2009. Hiện tại Công ty con đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 04 năm 2011, trụ sở của Công ty con tại Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty con là khai thác đá, dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, sản xuất các sản phẩm nhựa (PP,PE); dịch vụ liên quan đến in, bán lẻ xi măng, gạch xây, vật liệu xây dựng khác; thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải.

**5.7. Đầu tư vào Công ty liên kết**

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh dưới hình thức mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (Mã chứng khoán VBC). Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát nắm giữ 966.582 cổ phiếu tương đương với 32,22% số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh lưu hành. Công ty liên kết có hoạt động sản xuất kinh doanh chính là: sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; In bao bì; Mua, bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Kraft, máy móc sản xuất bao bì...); Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh nhà ở... Công ty liên kết có địa chỉ tại số 18, Đường Phong Định Cảng, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.8. Đầu tư dài hạn khác**

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Bình Minh dưới hình thức mua trái phiếu theo hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 26/7/2012 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Bình Minh và Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát về việc mua trái phiếu chuyển đổi tổng mệnh giá 1.500.000.000 VND, với lãi suất 18%/năm. Công ty Cổ phần Truyền thông Bình Minh có địa chỉ tại P 302, nhà D, khu nhà Vinaconex 3, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102726217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/04/2008.

**5.9. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	50.902.320.348	61.518.462.259
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (ii)	9.554.461.013	13.227.383.758
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	-	23.271.049.002
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	177.720.178.271	89.843.040.185
Ngân hàng TNHH MTV ANZ	-	30.296.830.983
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (iv)	5.775.546.250	11.014.366.160
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (v)	33.265.823.272	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (vi)	11.457.589.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (vii)	45.620.792.794	-
<b>Cộng</b>	<b>334.296.710.948</b>	<b>229.171.132.347</b>

(i) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 1.600.096 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 17.164.296.188 đồng. Lãi suất các khoản vay bằng VND từ 8% đến 8,5%/năm, lãi suất các khoản vay bằng USD từ 3,5% đến 4%/năm.

(ii) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, toàn bộ số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam. Các khoản vay của Công ty có lãi suất là 7,5%/năm.

(iii) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 6.291.032,74 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 45.073.750.896 đồng. Lãi suất các khoản vay bằng VND là 7,0%/năm, lãi suất các khoản vay bằng USD là 3,5%/năm.

(iv) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam, trong đó toàn bộ số dư tiền vay bằng ngoại tệ là 273.915 USD. Các khoản vay của Công ty có lãi suất là 3,24%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.9. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)**

(v) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương, trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 1.495.462 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 1.734.007.002 đồng. Lãi suất các khoản vay bằng VND là 8%/năm, lãi suất các khoản vay bằng USD từ 3,4% đến 4%/năm.

(vi) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), trong đó toàn bộ số dư tiền vay bằng ngoại tệ là 543.400 USD. Các khoản vay của Công ty có lãi suất là 3,5%/năm.

(vii) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương, trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 1.731.501 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 9.112.088.726 đồng. Lãi suất các khoản vay bằng VND là 6,75%/năm, lãi suất các khoản vay bằng USD là 3,5%/năm.

**5.10. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	141.062.011.382	8.720.197.853
Phải trả nhà cung cấp trong nước	12.288.535.235	95.627.086.114
<b>Cộng</b>	<b>153.350.546.617</b>	<b>104.347.283.967</b>

**5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế xuất, nhập khẩu	9.483.029	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.222.409.786	3.807.707.631
Thuế thu nhập cá nhân	23.550.347	46.124.880
<b>Cộng</b>	<b>3.255.443.162</b>	<b>3.853.832.511</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	55.115.294	30.819.654
Bảo hiểm y tế	1.185.040	-
Bảo hiểm thất nghiệp	224.675	-
Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	3.827.772	190.833.192
Cổ tức phải trả	23.825.000	5.192.000
Phải trả, phải nộp khác	2.112.346.402	1.141.164.903
<b>Cộng</b>	<b>2.196.524.183</b>	<b>1.368.009.749</b>

**5.13. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (i)	83.082.921.652	16.011.000.000
Ngân hàng Công Thương - CN Hải Dương	-	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>83.082.921.652</b>	<b>16.611.000.000</b>

(i) Đây là các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo 5 hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 213/HĐTD/TH-PN/PGBHD/13 ngày 13/6/2013, số 214/HĐTD/TH-PN/PGBHD/13 ngày 13/6/2013, số 310/HĐTD/TH-PN/PGBHD/13 ngày 31/07/2013, số 548/HĐTD/TH-PN/PGBHD/13 ngày 24/12/2013 và số 558/HĐTD/TH-PN/PGBHD/13 ngày 30/12/2013. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất của các khoản vay này khoảng 10,5% đến 13,5%/năm, toàn bộ số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**  
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc  
 ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B09 - DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.14. Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu	Thặng dư	Chênh lệch	Quỹ đầu tư	Quỹ	Quỹ khác	Lợi nhuận	Cộng
	chủ sở hữu	vốn cổ phần	tỷ giá	phát triển	dự phòng	thuộc vốn	sau thuế	
	VND	VND	VND	VND	tài chính	chủ sở hữu	chưa phân phối	VND
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>99.000.000.000</b>	<b>107.100.000.000</b>	<b>(136.946.856)</b>	<b>7.106.686.273</b>	<b>6.394.577.025</b>	<b>4.073.424.158</b>	<b>115.932.581.417</b>	<b>339.470.322.017</b>
Tăng vốn trong năm	99.000.000.000	23.833.926.549	-	-	-	-	-	122.833.926.549
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	43.575.265.498	43.575.265.498
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.714.307.899	2.714.307.899	3.800.031.059	(19.000.155.293)	(9.771.508.436)
Tặng khác	-	-	309.473.509	-	590.683.000	455.449.449	9.052.587.644	10.408.193.602
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(10.850.400.000)	(10.850.400.000)
Chi tiền quỹ	-	-	-	-	-	(177.470.800)	-	(177.470.800)
Giảm khác	-	-	(172.526.653)	-	-	-	-	(172.526.653)
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>198.000.000.000</b>	<b>130.933.926.549</b>	<b>-</b>	<b>9.820.994.172</b>	<b>9.699.567.924</b>	<b>8.151.433.866</b>	<b>138.709.879.266</b>	<b>495.315.801.777</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	43.810.669.080	43.810.669.080
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	2.178.763.275	2.178.763.275	3.050.268.585	(15.251.342.925)	(7.843.547.790)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(19.800.000.000)	(19.800.000.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi tiền quỹ	-	-	-	-	-	(1.779.757.670)	-	(1.779.757.670)
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>198.000.000.000</b>	<b>130.933.926.549</b>	<b>-</b>	<b>11.999.757.447</b>	<b>11.878.331.199</b>	<b>9.421.944.781</b>	<b>147.469.205.421</b>	<b>509.703.165.397</b>

(i) Công ty phân chia lợi nhuận của năm 2012 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 0501/2013/NQ-ĐHĐ ngày 20 tháng 05 năm 2013. Theo đó, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận cho các quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển là 5%, riêng quỹ khen thưởng là 15% lợi nhuận năm 2012. Chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu là 19.800.000.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	198.000.000.000	198.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>198.000.000.000</b>	<b>198.000.000.000</b>

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu*

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	198.000.000.000	99.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	99.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	198.000.000.000	198.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.800.000.000	10.850.400.000

*Cổ phiếu*

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.800.000	19.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.800.000	19.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.800.000</i>	<i>19.800.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.800.000	19.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.800.000</i>	<i>19.800.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa	105.249.750.079	124.775.257.434
Doanh thu bán các thành phẩm	1.062.074.178.959	923.674.667.714
<b>Cộng</b>	<b>1.167.323.929.038</b>	<b>1.048.449.925.148</b>
	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>988.970.134</b>	<b>1.762.131.233</b>
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	973.580.134	612.192.078
- Hàng bán bị trả lại	15.390.000	1.149.939.155

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng hóa	103.413.366.261	120.077.699.041
Giá vốn của thành phẩm	902.470.309.052	760.693.982.425
<b>Cộng</b>	<b>1.005.883.675.313</b>	<b>880.771.681.466</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.295.165.151	79.997.994
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.988.775.437	890.451.056
Lãi từ đầu tư trái phiếu	273.750.000	71.750.000
<b>Cộng</b>	<b>6.557.690.588</b>	<b>1.042.199.050</b>

**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	17.108.189.410	29.362.606.635
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.236.697.959	866.598.660
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.275.996.462	2.457.336
Chi phí tài chính khác	1.541.528	-
<b>Cộng</b>	<b>21.622.425.359</b>	<b>30.231.662.631</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>55.490.300.897</b>	<b>51.319.257.660</b>
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>1.518.688.268</i>	<i>826.766.010</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>57.008.989.165</b>	<b>52.146.023.670</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi	22.926.718.606	42.340.110.049
Thu nhập chịu thuế không hưởng ưu đãi	34.082.270.559	9.805.913.621
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tỷ lệ thuế được giảm	50%	50%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	11.386.407.473	7.743.992.162
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	293.224.344	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>11.679.631.817</b>	<b>7.743.992.162</b>

**6.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>43.810.669.080</b>	<b>43.575.265.498</b>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>43.810.669.080</b>	<b>43.575.265.498</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	19.800.000	11.370.249
<b>Lãi cơ bản trên một cổ phiếu</b>	<b>2.213</b>	<b>3.832</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	928.071.264.109	923.956.963.100
Chi phí nhân công	77.391.897.076	57.437.738.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.375.893.961	42.613.487.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.921.251.071	53.509.289.937
Chi phí khác bằng tiền	6.759.785.502	13.577.830.617
<b>Cộng</b>	<b>1.114.520.091.719</b>	<b>1.091.095.309.910</b>

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.9 “Vay và nợ ngắn hạn” và 5.13 “Vay và nợ dài hạn” trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4. “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu”.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	129.218.012.751	102.486.009.195
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.799.237.426	95.629.919.539
Đầu tư dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>229.517.250.177</b>	<b>199.615.928.734</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	417.379.632.600	245.782.132.347
Phải trả người bán và phải trả khác	155.547.070.800	105.715.293.716
<b>Cộng</b>	<b>572.926.703.400</b>	<b>351.497.426.063</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản tài chính và công nợ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	<b>Tài sản (USD)</b>	
	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.537.861,63	2.038.983,00
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.417.473,41	2.431.078,24
<b>Cộng</b>	<b>7.955.335,04</b>	<b>4.470.061,24</b>
<b>Công nợ phải trả (USD)</b>		
	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	11.935.407,00	8.034.081,00
Phải trả người bán và phải trả khác	6.691.253,30	4.591.589,00
<b>Cộng</b>	<b>18.626.660,30</b>	<b>12.625.670,00</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>			
Các khoản vay	334.296.710.948	83.082.921.652	417.379.632.600
Phải trả người bán và phải trả khác	155.547.070.800	-	155.547.070.800
<b>Cộng</b>	<b>489.843.781.748</b>	<b>83.082.921.652</b>	<b>572.926.703.400</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>			
Các khoản vay	229.171.132.347	16.611.000.000	245.782.132.347
Phải trả người bán và phải trả khác	105.715.293.716	-	105.715.293.716
<b>Cộng</b>	<b>334.886.426.063</b>	<b>16.611.000.000</b>	<b>351.497.426.063</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	129.218.012.751	-	129.218.012.751
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.799.237.426	-	98.799.237.426
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>228.017.250.177</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>229.517.250.177</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.486.009.195	-	102.486.009.195
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.629.919.539	-	95.629.919.539
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>198.115.928.734</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>199.615.928.734</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7.2. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm 2013 như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
<b>Hội đồng quản trị</b>			<b>660.000.000</b>	<b>660.000.000</b>
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phạm Đình Ngự	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>			<b>264.000.000</b>	<b>264.000.000</b>
Ông Lê Thái Hưng	Trưởng BKS	Thù lao BKS	120.000.000	120.000.000
Bà Vũ Thị Thúy Nguyên	Thành viên BKS	Thù lao BKS	72.000.000	72.000.000
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên BKS	Thù lao BKS	72.000.000	72.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			<b>1.469.580.000</b>	<b>1.014.000.000</b>
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc	Tiền lương	558.000.000	552.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	422.400.000	-
Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	489.180.000	462.000.000

*Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm 2013 như sau:*

	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>89.759.234.173</b>	<b>94.068.735.964</b>
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	89.759.234.173	94.068.735.964
<b>Doanh thu bán tài sản cố định</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	500.000.000	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>58.463.234.205</b>	<b>57.662.300.029</b>
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	58.463.234.205	57.662.300.029
<b>Số dư với các bên liên quan:</b>	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
<b>Phải thu</b>	<b>10.832.704.150</b>	<b>38.268.137.000</b>
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	10.832.704.150	38.268.137.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7.3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**7.4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.



Nguyễn Lê Trung  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Hòa Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Giang  
Người lập